

Thứ sáu, ngày 16 tháng 6 năm 2023

## Vietnam Daily Review

### VN-Index giảm mạnh cuối phiên

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 19/6/2023			•
Tuần 19/6-23/6/2023		•	
Tháng 06/2023			•

#### Nhận định:

**Thị trường cơ sở:** Thị trường đã tiến lên vùng 1,130 trong ngày hôm nay trước khi giảm mạnh vào cuối phiên và đóng cửa tại mốc 1,115.22 điểm, đi ngang so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 7/19 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dịch vụ tài chính dẫn đầu đà tăng. Ở chiều ngược lại, ngành Dầu khí tăng tốt hôm qua lại giảm mạnh hôm nay. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Diễn biến thị trường cho thấy vùng 1,130 đang là ngưỡng cản lớn. Chỉ số cần nhiều thời gian tích lũy hơn để có thể lấy đà chinh phục ngưỡng kháng cự này. Ngoài ra, hôm nay thị trường đón nhận 1 thông tin tích cực: SBV tiếp tục hạ lãi suất điều hành 0.5%.

**Hợp đồng tương lai:** Các HĐTL biến động theo xu hướng vận động của VN30, riêng VN30F2306 giảm. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

**Chứng quyền:** Trong phiên giao dịch ngày 16/06/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng giảm của cổ phiếu cơ sở.

#### Điểm nhấn:

- VN-Index **-1.75** điểm, đóng cửa **1115.22** điểm. HNX-Index **-1.09** điểm, đóng cửa **228.44** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.8)**, **STB (+0.59)**, **HPG (+0.44)**, **BCM (+0.31)**, **SSI (+0.15)**.
- Kéo chỉ số giảm: **SAB (-0.63)**, **CTG (-0.59)**, **VHM (-0.54)**, **GAS (-0.52)**, **PLX (-0.34)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,355** tỷ đồng, tăng **66.18%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **22,425** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **16.41** điểm. Thị trường có **170** mã tăng, **54** mã tham chiếu, **258** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **460.39** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VND (268.63 tỷ)**, **HPG (158.1 tỷ)**, **STB (128.99 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-30.7** tỷ đồng.

Nhà đầu tư có thể tham khảo báo cáo về việc SBV hạ lãi suất điều hành tại:

[Link báo cáo](#)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

**VN-INDEX** **1115.22**  
Giá trị: 20355.36 tỷ **-1.75 (-0.16%)**  
Foreigners (net): 460.39 bil

**HNX-INDEX** **228.44**  
Giá trị: 2192.59 tỷ **-1.09 (-0.48%)**  
Khối ngoại (ròng): -30.7 tỷ

**UPCOM-INDEX** **84.62**  
Giá trị: 879.06 tỷ **0.07 (0.09%)**  
Khối ngoại (ròng): -23.9 tỷ

#### Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	70.5	3.28%
Giá vàng	1,958	3.31%
Tỷ giá USD/VND	23,475	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	25,567	-0.14%
Tỷ giá JPY/VND	176	-0.04%
LS liên NH 1 tháng	4.4%	-1.86%
LS TPCP 5 năm	3.8%	-0.25%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

#### Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VND	268.63	VNM	-72.44
HPG	158.10	TPB	-62.12
STB	128.99	CTG	-61.36
EIB	71.89	NVL	-48.37
NLG	64.52	VRE	-42.71

Nguồn: BSC Research

#### Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tin hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

## Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 16/6

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	70.51	3.28%	-1.09%	-0.49%	-37.43%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	75.63	3.31%	-0.44%	0.95%	-35.36%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.66	3.95%	1.64%	7.12%	-27.95%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.56	9.18%	8.72%	7.62%	-65.41%		
TTF Gas	EUR/MWh	41.15	7.39%	52.70%	29.30%	-66.92%		
Vàng	Ounce	1,957.89	0.77%	-0.50%	-1.54%	5.45%		PNJ
Bạc	Ounce	23.88	-0.20%	-1.49%	0.61%	8.91%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,428.25	2.88%	4.77%	4.71%	-12.42%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	14.94	-0.73%	-1.39%	-7.89%	-38.49%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	133.80	0.30%	0.07%	-2.26%	-17.25%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR
Đường	LB	26.00	0.62%	2.04%	-0.27%	39.94%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS
Cà phê	LB	187.00	1.41%	-4.03%	-4.86%	-19.38%	VCF, CTP	CTP, DLG
Ure	USD/T	299.00	0.67%	0.84%	-16.83%	-47.77%		DPM, DCM
Niken	LB	22,637.00	3.46%	6.23%	5.36%	-12.12%		PC1
Đồng	LB	3.89	0.95%	2.84%	6.54%	-5.45%	CAV, SAM	MSN, ACM
Thép	CNY/ton	3,782.00	0.19%	2.86%	3.11%	-19.82%		HPG
Nhôm	Ton	2,250.00	-0.16%	-0.20%	-0.42%	-10.16%	CAV, SAM, TGP	

## Thông tin nổi bật

### Giá dầu

- Chốt phiên 15/6, dầu thô Brent tăng 2.47 USD hay 3.4% lên 75.67 USD/thùng, trong khi dầu WTI tăng 2.35 USD hay 3.4% lên 70.62 USD/thùng. Đây là mức đóng cửa cao nhất của dầu thô Brent và WTI kể từ ngày 8/6.
- Giá dầu tăng khoảng 3% lên mức cao nhất một tuần do USD yếu và hoạt động lọc dầu tăng vọt tại Trung Quốc, nước nhập khẩu dầu thô hàng đầu thế giới.

### Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.8% lên 1,957.73 USD/ounce sau khi xuống mức thấp nhất kể từ ngày 17/3. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 8 đóng cửa tăng 0.1% lên 1,970.7 USD/ounce.
- Giá vàng bật lên từ mức thấp nhất 3 tháng do USD và lợi suất trái phiếu giảm sau số liệu kinh tế của Mỹ.

### Giá quặng sắt

- Quặng sắt giao tháng 9 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên đóng cửa tăng 1.43% lên 815.5 CNY/tấn, cao nhất kể từ ngày 31/3. Tại Singapore, quặng sắt giao tháng 7 tăng 0.76% lên 113.3 USD/tấn, cao nhất kể từ ngày 18/4.
- Giá quặng sắt Đại Liên và Singapore tăng phiên thứ 3 liên tiếp, do tăng trưởng công nghiệp yếu hơn dự kiến tại Trung Quốc cũng cố quan điểm Bắc Kinh sẽ tung thêm các biện pháp hỗ trợ phục hồi kinh tế sau đại dịch.

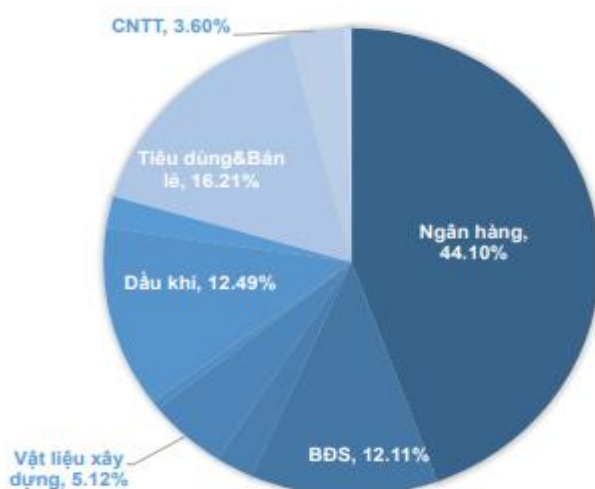
### Giá hàng hóa khác

- Cà phê robusta kỳ hạn tháng 9 đóng cửa tăng 63 USD hay 2.3% lên 2,757 USD/tấn. Giá cà phê arabica giao tháng 9 tăng 2.8 US cent hay 1.6% lên 1.8295 USD/lb.

## Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo cáo
VCB	Ngân hàng	105.0	1.4%	1.0	21,145	6.0	7,311	14.4	105,000	23.5%	<a href="#">Link</a>
BID	Ngân hàng	43.7	-0.3%	0.9	9,407	2.7	4,208	10.4	54,578	17.2%	<a href="#">Link</a>
VPB	Ngân hàng	19.6	-0.8%	1.1	5,585	28.1	-	-	-	17.6%	<a href="#">Link</a>
TCB	Ngân hàng	32.6	-0.3%	1.6	4,872	9.6	-	-	-	22.5%	<a href="#">Link</a>
MBB	Ngân hàng	19.7	0.0%	1.6	3,801	11.7	4,640	4.2	26,000	23.2%	<a href="#">Link</a>
STB	Ngân hàng	29.0	4.3%	1.2	2,326	55.4	4,603	6.3	24,600	26.5%	<a href="#">Link</a>
GVR	BDS KCN	17.8	-1.4%	1.9	3,030	3.2	4,880	3.6	31,200	0.5%	<a href="#">Link</a>
KBC	BDS KCN	27.5	-0.4%	1.6	898	10.5	-	-	-	20.4%	<a href="#">Link</a>
IDC	BDS KCN	42.2	-1.9%	1.7	593	7.0	1,217	-	19,100	10.7%	<a href="#">Link</a>
VGC	BDS KCN	41.3	-1.3%	1.6	788	2.9	1,916	21.6	25,000	5.0%	<a href="#">Link</a>
HPG	Vật liệu xây dựng	23.4	1.3%	2.1	5,802	32.9	1,896	12.3	18,500	23.7%	<a href="#">Link</a>
VHM	Vật liệu xây dựng	56.0	-0.9%	1.0	10,376	5.8	5,227	10.7	68,300	24.3%	<a href="#">Link</a>
VRE	BDS	26.5	-1.3%	1.0	2,562	5.2	1,576	16.8	31,800	32.9%	<a href="#">Link</a>
KDH	BDS	30.7	0.2%	1.7	936	4.3	2,557	12.0	38,700	36.6%	<a href="#">Link</a>
NLG	BDS	34.2	-0.7%	1.7	558	6.6	14,120	2.4	42,000	45.1%	<a href="#">Link</a>
DGC	Phân bón	61.4	-1.8%	1.6	992	12.3	6,793	9.0	122,300	16.0%	<a href="#">Link</a>
DPM	Dầu khí	32.6	0.0%	1.0	543	4.3	2,625	12.4	42,000	18.3%	<a href="#">Link</a>
DCM	Dầu khí	24.9	-0.4%	1.2	561	5.2	2,292	10.9	18,400	10.7%	<a href="#">Link</a>
GAS	Dầu khí	95.5	-1.1%	0.5	7,778	2.4	1,340	71.3	31,100	3.0%	<a href="#">Link</a>
PLX	Dầu khí	37.2	-2.9%	0.9	2,011	1.0	2,929	12.7	24,300	17.8%	<a href="#">Link</a>
PVS	Dầu khí	32.4	-1.8%	1.1	659	11.7	993	32.6	13,000	20.7%	<a href="#">Link</a>
PVD	Dầu khí	23.8	-2.3%	1.4	564	6.0	7,698	3.1	85,000	22.1%	<a href="#">Link</a>
POW	Tiện ích	13.5	-0.4%	0.9	1,345	4.2	3,895	3.5	87,600	7.8%	<a href="#">Link</a>
VNM	Bán lẻ	66.1	-0.3%	0.3	5,879	16.9	2,605	25.4	96,000	55.6%	<a href="#">Link</a>
MSN	Bán lẻ	76.6	-0.6%	1.2	4,641	6.9	3,456	22.2	55,200	30.3%	<a href="#">Link</a>
MWG	Bán lẻ	41.4	-0.8%	1.6	2,574	7.8	7,475	5.5	95,000	49.0%	<a href="#">Link</a>
PNJ	Bán lẻ	72.8	-0.7%	0.6	1,016	3.1	2,965	24.6	77,100	48.6%	<a href="#">Link</a>
VHC	Thủy sản	60.0	-2.0%	1.0	468	1.8	12,800	4.7	67,500	30.5%	<a href="#">Link</a>
GMD	Logistics	50.6	0.4%	0.4	649	1.6	7,059	7.2	57,000	48.2%	<a href="#">Link</a>
FPT	Công nghệ	84.5	0.5%	0.6	3,971	8.0	5,901	14.3	91,900	49.0%	<a href="#">Link</a>

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



## Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	28.5	-1.7%	1.3	5,828	9.0	3,520	8.1	1.3	28.1%	16.9%
ACB	Ngân hàng	21.8	0.5%	1.1	3,603	13.4	3,742	5.8	1.5	30.0%	26.5%
HDB	Ngân hàng	18.6	-0.3%	0.9	1,991	2.8	3,149	5.9	1.3	19.3%	24.2%
LPB	Ngân hàng	14.8	0.7%	1.4	1,085	3.0	2,732	5.5	1.1	4.9%	22.1%
VIB	Ngân hàng	23.1	-0.2%	1.3	2,072	9.0	4,163	5.6	1.5	20.5%	29.7%
VND	Chứng khoán	19.4	1.6%	2.3	1,005	57.3	489	38.7	1.6	23.0%	10.0%
TPB	Ngân hàng	18.2	0.3%	1.1	1,705	3.8	2,895	6.4	1.3	30.0%	21.5%
SSI	chứng khoán	26.1	1.6%	1.9	1,665	38.3	1,120	22.5	1.8	43.4%	9.3%
CII	Xây dựng	17.4	0.3%	1.6	187	10.3	218	80.9	5.5	9.5%	10.7%
C4G	Xây dựng	12.9	0.0%	2.1	0	3.2	791	16.7	1.7	0.0%	8.6%
CTD	Xây dựng	65.7	-0.8%	2.0	206	1.6	184	361.5	0.6	49.1%	0.3%
HHV	Xây dựng	13.7	0.7%	1.8	179	6.2	903	15.3	0.8	3.6%	3.9%
LCG	Xây dựng	13.0	0.0%	2.3	105	5.6	781	16.5	1.0	3.5%	7.8%
BCM	KCN	81.2	1.5%	0.8	3,576	1.2	1,170	68.4	4.7	2.8%	9.7%
HUT	KCN	18.0	-1.6%	1.5	267	2.6	162	113.7	1.7	2.0%	3.6%
PHR	KCN	46.2	0.4%	1.3	266	1.6	6,039	7.7	1.7	14.4%	28.3%
SZC	KCN	34.9	0.0%	1.9	148	1.6	1,323	27.5	2.3	3.2%	13.2%
HSG	Vật liệu	16.5	-0.3%	2.5	420	15.8	(1,754)		1.0	17.1%	2.3%
HT1	Vật liệu	14.7	0.0%	1.5	239	0.6	386	38.8	1.1	3.6%	5.1%
NKG	Vật liệu	16.8	0.3%	2.6	188	11.3	(2,586)		0.9	12.2%	13.5%
PTB	Vật liệu	47.5	-0.9%	1.2	138	0.6	6,017	8.1	1.2	13.6%	19.5%
KSB	Vật liệu	26.3	-0.8%	1.8	85	2.3	1,393	19.2	1.0	8.9%	8.2%
NVL	BDS	14.9	-2.3%	1.2	1,236	32.7	362	40.3	0.7	6.2%	5.3%
DXG	BDS	14.2	0.4%	2.6	370	11.8	(240)		0.6	20.5%	3.4%
HDC	BDS	29.5	-17.4%	1.1	136	1.3	3,157	11.7	1.7	1.2%	25.1%
DIG	BDS	20.8	1.2%	2.5	540	22.2	262	79.9	1.7	6.0%	2.0%
IJC	BDS	14.7	0.0%	2.1	158	2.0	1,662	8.8	0.9	5.9%	14.4%
BSR	Dầu khí	17.3	-1.1%	1.3	0	6.7	4,750	3.7	1.0	0.6%	32.5%
PVT	Dầu khí	20.9	-0.7%	0.9	288	4.1	2,740	7.6	0.8	18.1%	14.9%
PLC	Săm lốp	36.1	-3.5%	1.8	124	0.6	1,355	26.4	2.3	1.0%	10.2%
DRC	Tiện ích	20.0	-0.2%	1.2	101	0.3	2,246	9.1	1.3	8.4%	16.7%
REE	Tiện ích	62.4	1.0%	0.7	1,085	3.6	6,714	9.2	1.3	49.0%	19.8%
GEX	Tiện ích	19.1	0.5%	1.9	692	17.0	10	1912.7	0.9	12.2%	7.5%
NT2	Tiện ích	31.5	-2.2%	0.5	386	0.8	3,245	9.9	2.0	16.0%	20.0%
HDG	Tiện ích	37.1	-1.6%	1.6	386	2.8	4,718	7.9	1.4	20.5%	22.7%
PC1	Tiện ích	27.9	-0.4%	1.4	321	2.8	1,257	23.5	1.3	8.1%	7.9%
GEG	Tiện ích	16.0	-0.9%	1.0	263	1.1	956	17.5	1.1	46.4%	7.9%
BCG	Dầu khí	9.7	0.2%	2.5	220	4.1	220	47.6	0.4	1.9%	4.9%
SAB	Bán lẻ	155.0	-2.5%	0.1	4,230	1.5	7,649	20.7	4.0	62.6%	23.3%
QNS	Bán lẻ	46.1	2.4%	0.5	0	3.0	4,226	10.3	2.2	19.3%	17.7%
FRT	Bán lẻ	62.0	-0.8%	1.4	359	3.4	1,620	35.9	4.5	28.6%	21.4%
DGW	Bán lẻ	39.0	-1.3%	2.1	277	3.3	3,397	11.3	3.0	22.5%	32.5%
DBC	Bán lẻ	20.2	-0.2%	2.1	208	5.4	(1,339)		1.1	5.8%	3.2%
PET	Bán lẻ	26.3	-0.9%	2.4	111	0.6	1,026	26.1	1.4	1.5%	9.0%
BAF	Bán lẻ	23.0	-1.5%		140	2.0	1,409	16.6	1.9	0.2%	18.3%
ANV	Thủy sản	33.7	-0.9%	1.7	191	2.5	4,368	8.1	1.7	6.6%	26.6%
VSC	Logistics	32.4	-0.5%	0.5	167	2.2	2,087	13.8	1.3	3.0%	12.8%
HAH	Logistics	42.5	-2.4%	1.1	127	3.5	9,072	4.9	1.0	9.2%	43.4%
CTR	Công nghệ	72.3	0.0%	1.4	352	0.6	4,040	17.6	4.8	11.0%	30.2%
TNG	Dệt may	18.6	-0.5%	1.7	90	1.3	2,879	6.9	1.3	13.9%	17.9%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

## Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		<a href="#">Click</a>
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	<a href="#">Click</a>
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		<a href="#">Click</a>
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		<a href="#">Click</a>
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		<a href="#">Click</a>
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		<a href="#">Click</a>
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		<a href="#">Click</a>
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	<a href="#">Click</a>
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		<a href="#">Click</a>
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		<a href="#">Click</a>
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		<a href="#">Click</a>
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		<a href="#">Click</a>
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	<a href="#">Click</a>
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		<a href="#">Click</a>
15	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		<a href="#">Click</a>
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		<a href="#">Click</a>
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	<a href="#">Click</a>
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		<a href="#">Click</a>
19	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	<a href="#">Click</a>
20	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		<a href="#">Click</a>
21	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	<a href="#">Click</a>
22	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		<a href="#">Click</a>
23	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	<a href="#">Click</a>
24	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	<a href="#">Click</a>
25	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		<a href="#">Click</a>
26	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		<a href="#">Click</a>
27	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		<a href="#">Click</a>
28	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	<a href="#">Click</a>
29	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		<a href="#">Click</a>
30	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	<a href="#">Click</a>
31	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		<a href="#">Click</a>
32	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	<a href="#">Click</a>
33	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		<a href="#">Click</a>
34	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		<a href="#">Click</a>
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		<a href="#">Click</a>
36	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		<a href="#">Click</a>
37	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		<a href="#">Click</a>
38	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	<a href="#">Click</a>
39	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		<a href="#">Click</a>
40	Covid lần sóng thứ 4	x		<a href="#">Click</a>
41	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		<a href="#">Click</a>
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		<a href="#">Click</a>
43	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		<a href="#">Click</a>
44	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	<a href="#">Click</a>

## Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

### BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings  
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84 4 3935 2722  
Fax: +84 4 2220 0669

### BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 8 3821 8885  
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

### Đối với Phân tích Nghiên cứu

#### Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn  
(+84) 39352722 - Ext 108

### Đối với Khách hàng tổ chức

#### Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn  
(+84)2439264659

### Đối với Khách hàng cá nhân

#### Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn  
(+84)2437173639

